TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2026/HS-PT
Ngày: 27 – 01 – 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Dũng và ông Phạm Thái Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 1) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 258/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo Lê Ngọc T, Nguyễn Trần Anh N và Lê Ngọc T1. Do có kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc T, Nguyễn Trần Anh N, Lê Ngọc T1 và kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

1. Các bị cáo kháng cáo:

1.1. Lê Ngọc T (Tên gọi khác: Đen, Thiên L), sinh năm 1978; tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã P, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L1 (Chết) và bà Nguyễn Thị L2; Vợ: Bà Nguyễn Thị B (Chưa đăng ký kết hôn); Con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

1.2. Nguyễn Trần Anh N (Tên gọi khác: B1), sinh năm 1986; tại tỉnh Ninh Thuận (Nay là tỉnh Khánh Hòa); Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã P, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm quảng cáo; Trình độ học vấn:

12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Vinh Q và bà Trần Thị H; Vợ: Bà Trần Thị Thu T2; Con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

1.3. Lê Ngọc T1 (Tên gọi khác: T3), sinh năm 1977; tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn G, xã P, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Ngọc T4 và bà Đinh Thị D; Vợ: Bà Lê Thị Ngọc T5; Con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trong vụ án còn có bị cáo không kháng cáo không triệu tập đến phiên tòa: Lê Minh T6 (Tên gọi khác: C), sinh năm 1981; tại tỉnh Quảng Ngãi (Cũ); Nơi thường trú: Thôn H, phường Q, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bị hại kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Trần Minh H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã P, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

4.2. Ông Đặng Quốc T7, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn G, xã P, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 17/8/2024, tại thôn L, xã P, tỉnh Lâm Đồng (Trước đây là thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận cũ) vợ chồng bà Nguyễn Thị B, Lê Ngọc T tổ chức ăn nhậu trước sân nhà cùng với Nguyễn Trần Anh N (Là em cô cậu với T), Trần Minh H1 và Đặng Quốc T7. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày Lê Ngọc T1 là hàng xóm với vợ chồng T đến nhậu cùng. Do T1 đã nhậu trước đó nên uống được một ly bia rồi xin phép ra về, B cho rằng T1 có "bồ" nên đi về từ đó giữa B và T1 xảy ra cãi vã chửi nhau. T ngồi cách nơi xảy ra cãi nhau khoảng 5 đến 6m đứng dậy lấy cây dao tự tạo phần lưỡi bằng kim loại dài 27cm, cán bằng gỗ dài 95cm để gần chỗ nhậu chạy đến nơi cãi nhau. Cùng lúc đó Lê

Minh T6 là em vợ của T1 có nhà ở bên cạnh nghe T1 cải vã lớn tiếng nên chạy đến xem thấy T đang cầm hung khí là dao tự tạo nên chạy về nhà lấy dao tự tạo lưỡi bằng kim loại dài 24cm, cán dao bằng gỗ dài 55cm để tại nhà bếp quay lại nơi cãi nhau. T cầm dao tự tạo ở tay trái đứng đối diện với T1 đưa lên cao chém từ trên xuống về hướng của T1, T1 đưa tay phải lên đỡ gây ra vết thương đốt xa ngón 4 và ngón 5 bàn tay phải. T1 nhặt đoạn cây gỗ dài khoảng 1,5 đến 2m tại khu vực xảy ra đánh nhau quơ qua lại trước mặt của B và T gây ra vết thương đốt xa ngón 1 bàn tay phải của Bé. Tính xông vào cầm dao tự tạo bằng hai tay chém nhiều nhát về hướng Tâm gây nên vết thương phần mềm vùng đỉnh, vết thương phần mềm gò má trái và vết thương phần mềm 1/3 dưới mặt sau ngoài cẳng tay phải của T. T cầm dao tự tạo ở tay trái chém nhiều nhát về hướng Tính gây nên vết thương vùng môi trên bên trái, vết thương vùng chẩm và vết thương 1/3 giữa cẳng tay phải của T6. Nguyễn Trần Anh N đang ngồi nhậu thấy T và B bị đánh nên lấy cây búa tạ tại nơi nhậu có cán bằng gỗ dài 80cm, phần đầu búa làm bằng kim loại có kích thước (6 x 6 x 14)cm cầm bằng hai tay chạy đến nơi đánh nhau nhằm mục đích hỗ trợ cho T đánh lại T1 và T6 nhưng khi đến nơi thì bị vấp ngã, T6 liền dùng dao tự tạo chém N gây ra vết thương khuỷu tay trái và vùng gò má trái. Trần Minh H1 và Đặng Quốc T7 thấy xảy ra đánh nhau nên chạy đến can ngăn, T7 dùng cây gỗ dài khoảng 2 đến 3m đẩy hai bên đánh nhau ra nên sự việc đánh nhau mới dừng lại. Những người thương tích được đưa đi bệnh viện điều trị vết thương.

+ Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 822/KLTTCT-TTGĐYKPYBT ngày 09/10/2024 của Trung tâm giám định y khoa – pháp y – Sở Y tế tỉnh B kết luận, tỷ lệ thương tích của Nguyễn Thị B:

- Sẹo vết thương đốt xa ngón 1 bàn tay phải kích thước nhỏ: (2,5 x 0,3) cm; Gãy đốt 2 ngón 1 bàn tay phải hiện hư móng ngón 1 bàn tay phải do vật sắc tác động trực tiếp gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1% + 2% +1%.

Căn cứ Thông tư số 22/1019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị B tại thời điểm giám định là 4% (Bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

+ Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 824/KLTTCT-TTGĐYKPYBT ngày 09/10/2024 của Trung tâm giám định y khoa – pháp y – Sở Y tế tỉnh B kết luận, tỷ lệ thương tích của Nguyễn Trần Anh N.

- Gãy mỏm khuỷu tay trái đã được phẫu thuật kết hợp xương hiện khuỷu tay trái chưa gấp được; Sẹo vết thương khuỷu tay trái lành kích thước (6,5 x 0,1)cm; Sẹo vết mổ kích thước (8 x 0,2)cm, do vật sắc tác động trực tiếp gây ra.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15% + 2% +2%.

Căn cứ Thông tư số 22/1019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Trần Anh N tại thời điểm giám định là 21% (Hai mươi mốt phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

+ Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 823/KLTTCT-TTGĐYKPYBT ngày 14/10/2024 của Trung tâm giám định y khoa – pháp y – Sở Y tế tỉnh B kết luận, tỷ lệ thương tích của Lê Ngọc T.

- Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh kích thước trung bình: (4,2 x 0,6)cm, do vật sắc tác động theo chiều hướng từ trên xuống dưới. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.

- Sẹo vết thương phần mềm vùng gò má trái kích thước nhỏ: (2,2 x 0,1)cm, do vật sắc tác động theo chiều hướng từ trước ra sau. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%.

- Sẹo vết thương phần mềm 1/3 dưới mặt sau ngoài cẳng tay phải kích thước trung bình: (4,2 x 0,4)cm, do vật sắc tác động trực tiếp gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.

- Sẹo vết thương phần mềm đầu ngoài cung mày trái kích thước nhỏ: (2,2 x 0,1)cm. Tổn thương này không được ghi nhận trong giấy chứng nhận thương tích nên không đủ cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể, vật gây thương và chiều hướng tác động gây ra thương tích.

Căn cứ Thông tư số 22/1019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Lê Ngọc T tại thời điểm giám định là 7%, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

+ Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 875/KLTTCT-TTGĐYKPYBT ngày 04/11/2024 của Trung tâm giám định y khoa – pháp y – Sở Y tế tỉnh B kết luận, tỷ lệ thương tích của Lê Ngọc T1.

- Sẹo vết thương đốt xa ngón 4 bàn tay phải kích thước nhỏ: (2 x 0,1)cm hiện mất chỏm xương đốt xa ngón 4 bàn tay phải, tổn thương đen, sần sùi móng ngón 4, vận động ngón 4 bàn tay phải trong giới hạn bình thường, do vật sắc tác động trực tiếp gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1% + 2% +1%.

- Sẹo vết thương đốt xa ngón 5 bàn tay phải kích thước nhỏ: (2,5 x 0,1)cm, hiện gãy xương đốt xa ngón 5 bàn tay phải, mất một phần móng ngón 5, vận động ngón 5 bàn tay phải trong giới hạn bình thường, do vật sắc tác động trực tiếp gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1% + 1% + 1%.

Căn cứ Thông tư số 22/1019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Lê Ngọc T1 tại thời điểm giám định là 7%, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

+ Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 876/KLTTCT-TTGĐYKPYBT ngày 04/11/2024 của Trung tâm giám định y khoa – pháp y – Sở Y tế tỉnh B kết luận, tỷ lệ thương tích của Lê Minh T6:

- Sẹo vết thương vùng môi trên bên trái kích thước nhỏ: (2,5 x 0,1)cm, do vật sắc tác động theo chiều hướng từ trước ra sau. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%.

- Sẹo vết thương vùng chẩm kích thước nhỏ: (2 x 0,1)cm, do vật sắc tác động theo chiều hướng từ sau ra trước. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%.

- Sẹo vết thương 1/3 giữa cẳng tay phải kích thước trung bình: (6 x 0,3)cm, do vật sắc tác động trực tiếp gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 2%.

Căn cứ Thông tư số 22/1019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Lê Minh T6 tại thời điểm giám định là 6%, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

- Vật chứng trong vụ án: Công an xã H (Nay là Công an xã P) thu giữ tại nhà của Nguyễn Thị B 01 thanh sắt hộp kích thước (2,5 x 5x 137)cm, 01 cây dao tự tạo dài 48cm, mũi nhọn cán bằng ống kim loại tròn đường kính 2,5cm; 01 cây búa tạ có cán làm bằng gỗ dài 80cm, phần đầu búa làm bằng kim loại kích thước (6 x 6 x 14)cm; 01 cây dao tự tạo phần lưỡi bằng kim loại dài 27cm, cán bằng gỗ dài 95cm. Lê Minh T6 tự nguyện giao nộp cho Công an xã H 01 dao tự tạo lưỡi bằng kim loại dài 24cm, cán dao bằng gỗ dài 55cm.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại Nguyễn Thị B yêu cầu bồi thường chi phí điều trị vết thương và tiền công lao động. Tổng cộng là 84.000.000đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Trần Anh N yêu cầu bồi thường cụ thể tiền thuốc có hóa đơn chứng từ là 18.694.920 đồng, các chi phí không có hóa đơn, chứng từ gồm: 02 người nuôi bệnh từ ngày nhập viện đến ngày xuất viện là 12 ngày, mỗi người 500.000đồng/ngày là 12.000.000 đồng, tiền xe đi lại điều trị vết thương 4.000.000 đồng, tiền công lao động mỗi tháng thu nhập 9.000.000 đồng, nghỉ 7 tháng cho vết thương bình phục mới đi làm lại, do đó tiền mất thu nhập là 63.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 97.694.920 đồng.

+ Bị cáo Lê Ngọc T yêu cầu bồi thường tổng cộng là 2.973.644 đồng; Trong đó có hóa đơn chứng từ là 1.973.664 đồng.

+ Các bị cáo Lê Ngọc T1, Lê Minh T6 không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Lâm Đồng, đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc T, Nguyễn Trần Anh N, Lê Ngọc T1, Lê Minh T6 phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

+ Căn cứ: Điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc T 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

+ Căn cứ: Điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trần Anh N 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

+ Căn cứ: Điểm đ khoản 2 (Các điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Minh T6 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2025.

Căn cứ: Điểm đ khoản 2 (Các điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc T1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh sắt hộp kích thước (2,5 x 5 x 137)cm, 01 cây dao tự tạo dài 48cm, mũi nhọn cán bằng ống kim loại tròn đường kính 2,5cm; 01 cây búa tạ có cán làm bằng gỗ dài 80cm, phần đầu búa làm bằng kim loại kích thước (6 x 6 x 14)cm; 01 cây dao tự tạo phần lưỡi bằng kim loại dài 27cm, cán bằng gỗ dài 95cm, 01 dao tự tạo lưỡi bằng kim loại dài 24cm, cán dao bằng gỗ dài 55cm.

Theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu ngày 11/6/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (Nay là Công an tỉnh L) với Chi cục THADS huyện T (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Lâm Đồng).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, 468, 584, 585, 586, 587 và 590 Bộ luật Dân sự.

+ Buộc bị cáo Lê Ngọc T1 bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại

Nguyễn Thị B số tiền 4.410.000 đồng *(Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng).*

+ Buộc bị cáo Lê Ngọc T1, Lê Minh T6 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị cáo Lê Ngọc T số tiền 813.644 đồng *(T8 trăm mười ba nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng);* Chia phần cụ thể: Bị cáo Lê Ngọc T1 bồi thường cho bị cáo Lê Ngọc T số tiền 406.822 đồng *(Bốn trăm lẻ sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng)*, bị cáo Lê Minh T6 bồi thường cho bị cáo Lê Ngọc T số tiền 406.822 đồng *(Bốn trăm lẻ sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng)*.

+ Buộc bị cáo Lê Ngọc T1, Lê Minh T6 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị cáo Nguyễn Trần Anh N số tiền 50.965.120 đồng *(Năm mươi triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm hai mươi đồng);* Chia phần cụ thể: Bị cáo Lê Ngọc T1 bồi thường cho bị cáo Nguyễn Trần Anh N số tiền 25.482.560 đồng *(Hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng)*, bị cáo Lê Minh T6 bồi thường cho bị cáo Nguyễn Trần Anh N số tiền 25.482.560 đồng *(Hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng*).

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Ngọc T kháng cáo xin được hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Trần Anh N kháng cáo xin được hưởng án treo, bị cáo Lê Ngọc T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 11/9/2025 bị hại Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt của bị cáo T1 từ số tiền 4.410.000 đồng theo bản án sơ thẩm lên 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Ngọc T, Nguyễn Trần Anh N, Lê Ngọc T1, Lê Minh T6 về tội *"Cố ý gây thương tích"* là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc T xin hưởng án treo, bị cáo không cung cấp chứng cứ, tình tiết gì mới, mặc dù bị cáo Lê Ngọc T1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T nhưng vẫn không đủ điều kiện để áp dụng án treo nên không có cơ sở chấp nhận. Đối với bị cáo Lê Ngọc T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt. Đối với bị cáo Nguyễn Trần Anh N, tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc T1 xin rút yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo N. Bị cáo N phạm tội lần đầu, là người giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể trong vụ án nên đề nghị miễn hình phạt cho bị cáo Nguyễn Trần Anh N theo Điều 59 Bộ luật Hình sự. Về bị hại, bà Nguyễn Thị B kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

Các bị cáo không tranh luận với kiểm sát viên nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị hại bà Nguyễn Thị B trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhưng xem xét tăng mức bồi thường thiệt hại cho bà.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội, xin được hưởng khoan hồng giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) cấp phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Ngọc T1, Nguyễn Trần Anh N và bị hại bà Nguyễn Thị B nộp trong thời hạn luật định nên HĐXX xem giải quyết vụ án hình sự theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội *"Cố ý gây thương tích*" là đúng người, đúng tội, không oan sai. Các bị cáo nhận thức quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe được pháp luật nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác sẽ bị trừng trị. Hành vi của các bị cáo gây thương tích cho nhau đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Cố ý gây thương tích"* theo Điều 134 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Minh T6, Lê Ngọc T1, Nguyễn Trần Anh N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, lớn tiếng với nhau mà các bị cáo vẫn cố ý sử dụng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn. Kết quả điều tra và giám định thương tật đã xác định bị cáo Lê Minh T6 và Lê Ngọc T1 gây thương tích cho bị cáo Lê Ngọc T với tỷ lệ thương tích 7%; Gây thương tích cho bị cáo Nguyễn Trần Anh N với tỷ lệ thương tích là 21%. Bị cáo Lê Ngọc T và Nguyễn Trần Anh N gây thương tích cho bị cáo Lê Minh T6 với tỷ lệ thương tật 6%; Gây thương tích cho bị cáo Lê Ngọc T1 7%. Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất côn đồ, ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Ngọc T, Nguyễn Trần Anh N về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự; xét xử các bị cáo Lê Minh T6, Lê Ngọc T1 về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo và kháng cáo tăng mức bồi thường của bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trần Anh N nộp đơn có xác nhận

hoàn cảnh khó khăn và xác nhận của địa phương về ông, bà ngoại bị cáo là người có công với cách mạng. Các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Ngọc T1 chỉ nộp đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào khác, mọi tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nên không thể giảm nhẹ hơn nữa. Về việc xin hưởng án treo thì bị cáo Lê Ngọc T không đủ điều kiện được hưởng án treo vì phạm tội có tính chất côn đồ.

[4] Đối với bị cáo Nguyễn Trần Anh N chỉ có hành vi giúp sức hỗ trợ về mặt tinh thần cho bị cáo T nhưng không trực tiếp gây nên thương tích cho bị cáo T1, bị cáo T6. Thương tích của bị cáo T1, bị cáo T6 do chính bị cáo T gây ra, bị cáo N là người tham gia không đáng kể vào việc thực hiện tội phạm, hành vi của bị cáo là nhất thời, có vai trò rất hạn chế trong vụ án. Tại phiên tòa bị cáo Lê Ngọc T1 rút yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N, giữ nguyên yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo Lê Ngọc T. HĐXX thấy rằng bị cáo Nguyễn Trần Anh N có nhân thân tốt, hành vi của bị cáo chỉ nhất thời phạm tội, trường hợp của bị cáo N phạm tội ít nghiêm trọng, hậu quả không đáng kể và hậu quả đã được khắc phục hoàn toàn; Bị cáo có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, giáo dục mà không cần áp dụng hình phạt nên HĐXX xem xét cho hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo để miễn hình phạt theo quy định tại Điều 59 Bộ luật Hình sự.

[5] Về việc bị hại kháng cáo yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho thiệt hại của mình nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Trần Anh N, bị hại Nguyễn Thị B không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Lê Ngọc T, Lê Ngọc T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc T, Lê Ngọc T1 về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị B về tăng mức bồi thường thiệt hại về sức khỏe.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Lâm Đồng về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Ngọc T, bị cáo Lê Ngọc T1 và về phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại Nguyễn Thị B.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc T, Lê Ngọc T1 phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

2.1. Căn cứ: Điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc T 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2.2. Căn cứ: Điểm đ khoản 2 (Các điểm a, i khoản 1) Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc T1 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

3. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

3.1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trần Anh N. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Lâm Đồng về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trần Anh N.

3.2. Căn cứ: Điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 54, Điều 59 Bộ luật Hình sự.

3.3. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trần Anh N phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

3.4. Miễn hình phạt cho bị cáo Nguyễn Trần Anh N.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, bồi thường về dân sự, biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Ngọc T, Lê Ngọc T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Trần Anh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B

300.000 đồng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 5933 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

6. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/01/2026).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKSND KV14 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV14 – Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Cổng TTĐT-TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Phương